

Bản án số: 709/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Mai

2. Bà Đỗ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 372/2024/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 739/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 1 V, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Hoàng Châu L**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: E D, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Hoàng Châu L sống chung như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ

khoảng tháng 4 năm 2023, ông và bà L đã bắt đầu sống ly thân, hai bên chỉ liên lạc qua lại để thăm nom chăm sóc con chung, giữa ông và bà L không còn quan hệ vợ chồng từ khi ly thân cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông T khai ông và bà L có 04 (bốn) con chung là trẻ Bùi Trí Minh Đ, sinh ngày 28/9/2011; trẻ Bùi Trí Minh K, sinh ngày 21/12/2013; trẻ Bùi Trí Đan T1, sinh ngày 27/6/2017 và trẻ Bùi Trí Đan T2, sinh ngày 18/12/2020. Từ sau khi ly thân đến nay thì bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung là trẻ Bùi Trí Minh Đ, Bùi Trí Minh K và Bùi Trí Đan T1 nên ông đồng ý để bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng ba trẻ là Bùi Trí Minh Đ, Bùi Trí Minh K và Bùi Trí Đan T1. Ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Trí Đ1 Thư nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là trẻ Bùi Trí Đan T2. Đồng thời, không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung: Ông T khai hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai hai bên không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2024 và ngày 30/5/2024 bị đơn bà Nguyễn Hoàng Châu L trình bày:

Bà Nguyễn Hoàng Châu L thống nhất với ông T về quá trình chung sống giữa bà và ông T nhưng không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn, bà L trình bày bà và ông T chung sống hơn 12 năm, giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn về lối sống, quan điểm nên thường xuyên tranh cãi, ông T còn có hành vi xúc phạm, ngược đãi tinh thần các con bằng những từ ngữ khó nghe làm cho không khí gia đình ngột ngạt, nặng nề.

Về con chung bà L trình bày bà và ông T có 04 (bốn) con chung là trẻ Bùi Trí Minh Đ, sinh ngày 28/9/2011; trẻ Bùi Trí Minh K, sinh ngày 21/12/2013; trẻ Bùi Trí Đan T1, sinh ngày 27/6/2017 và trẻ Bùi Trí Đan T2, sinh ngày 18/12/2020, khi bà và ông T xảy ra tranh chấp bà mang 04 con chung về nhà cha mẹ bà nuôi dưỡng từ tháng 4/2023. Sau đó, bà vẫn tạo điều kiện cho ông T đến thăm các con, nhưng ngày 23/4/2024 ông T lợi dụng sự tin tưởng của bà đã tự ý bắt con chung là trẻ Bùi Trí Đ1 Thư về nuôi mà không được sự đồng ý của bà cũng như không tạo điều kiện cho bà được gặp trẻ T2. Hiện tại, bà L đang nuôi 03 trẻ là Bùi Trí Minh Đ, Bùi Trí Minh K và Bùi Trí Đan T1, ông T đang nuôi trẻ Bùi Trí Đan T2. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án, tinh thần bà rất suy sụp đề nghị Tòa án hoãn xét xử để ông T bình tĩnh lại và bà muốn có cơ hội trao đổi bàn bạc với ông T để tìm cách giải quyết tốt nhất cho các con.

Ngoài ra bà L không trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung đối với đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con của ông T. Sau đó, bà L vắng mặt không có ý kiến trình bày bổ sung nên Tòa án không ghi nhận gì thêm.

Tại phiên tòa,

Ông Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và theo nội dung đơn đề nghị giữ nguyên nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi hòa giải tại Tòa án. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Châu L; Về con chung có 04 con chung là Bùi Trí Minh Đ, Bùi Trí Minh K, Bùi Trí Đan T1 và Bùi Trí Đan T2, ông đồng ý giao cho bà L tiếp tục nuôi 03 con chung là trẻ Bùi Trí Minh Đ, Bùi Trí Minh K và Bùi Trí Đan T1, ông T tiếp tục nuôi trẻ Bùi Trí Đan T2, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào; Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai hai bên không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Hoàng Châu L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Châu L do bà L cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn – bà Nguyễn Hoàng Châu L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà L được ly hôn theo quy định pháp luật.

Nhận thấy: Ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà ly hôn theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng cả hai đều đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng cho đến nay cả hai không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L.

[5] Về con chung: Căn cứ các Giấy khai sinh số 354 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2011; Giấy khai sinh số 117 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/2014; Giấy khai sinh số 76 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/4/2018 và Giấy khai sinh số 126/2023 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2023 thì các trẻ Bùi Trí Minh Đ, sinh ngày 28/9/2011; trẻ Bùi Trí Minh K, sinh ngày 21/12/2013; trẻ Bùi Trí Đan T1, sinh ngày 27/6/2017 và trẻ Bùi Trí Đan T2, sinh ngày 18/12/2020 là các con chung của ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Hoàng Châu L.

Theo lời trình bày của các bên, hiện nay bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung là trẻ Bùi Trí Minh Đ, Bùi Trí Minh K và Bùi Trí Đan T1 nên ông T đề nghị Tòa án chấp nhận để bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng ba trẻ. Ông T đang trực tiếp nuôi con chung Bùi Trí Đan T2 nên đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T2. Đồng thời, không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, các con chung là trẻ Đ, trẻ K và trẻ T1 do bà L đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T2. Ông T không có yêu cầu tranh chấp và đồng ý giao ba trẻ là trẻ Đ, trẻ K và trẻ T1 cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông sẽ nuôi dưỡng trẻ T2, bà L vắng mặt không có ý kiến trình bày hay tranh chấp gì. Xét, yêu cầu về việc nuôi con chung của ông T phù hợp với tình hình thực tế, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông T, giao con chung là trẻ Bùi Trí Minh Đ, Bùi Trí Minh K và Bùi Trí Đan T1 cho bà Nguyễn Hoàng Châu L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao trẻ Bùi Trí Đan T2 cho ông Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho hai bên do hai bên chưa có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Ông T khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Ông T khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ông T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Bùi Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Hoàng Châu L là vợ chồng.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Hoàng Châu L có 04 (Bốn) con chung gồm trẻ Bùi Trí Minh Đ, sinh ngày 28/9/2011; trẻ Bùi Trí Minh K, sinh ngày 21/12/2013; trẻ Bùi Trí Đan T1, sinh ngày 27/6/2017 và trẻ Bùi Trí Đan T2, sinh ngày 18/12/2020.

Giao trẻ Bùi Trí Minh Đ, sinh ngày 28/9/2011; trẻ Bùi Trí Minh K, sinh ngày 21/12/2013; trẻ Bùi Trí Đan T1, sinh ngày 27/6/2017 cho bà Nguyễn Hoàng Châu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao trẻ Bùi Trí Đan T2, sinh ngày 18/12/2020 cho ông Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho hai bên do hai bên chưa có yêu cầu

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông T khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông T khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Bùi Văn T chịu, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Bùi Văn T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001721 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc